

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2023/DS-ST
Ngày 29-8-2023
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Văn Tỉnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Cao Thị Hạ

Ông Đỗ Trọng Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2023/QĐST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959; nơi cư trú: Khu dân cư L, thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1963; nơi cư trú: Khu phố C thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1965; nơi cư trú: Khu phố C thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng; có mặt;

+ Anh Phạm Ngọc H, sinh năm 1991; nơi ĐKKHKT: Khu dân cư L, thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Số A, lô B, chung cư H, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt;

+ Chị Phạm Thị L1, sinh năm 1983 và anh Nguyễn Hữu D2, sinh năm 1985; cùng nơi cư trú: Khu dân cư L, thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt, đề nghị vắng mặt;

+ Ông Phạm Văn S, sinh năm 1960, nơi cư trú: Khu dân cư L, thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, đề nghị vắng mặt;

+ Bà Phạm Thị Y, sinh năm 1969, nơi ĐKKHKT; KDC L, thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Khu phố C thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng; có mặt;

+ UBND huyện V, thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Số H đường B, thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng; người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc D3 - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn S, chị Phạm Thị L1 và anh Nguyễn Hữu D2, anh Phạm Ngọc H thống nhất trình bày:

Cụ Nguyễn Văn X (chết năm 2011) và cụ Nguyễn Thị D4 (chết năm 2009). Hai cụ sinh được 4 người con là Nguyễn Thị H1 (chết năm 2008), Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị D1 và Nguyễn Văn D. Quá trình chung sống, cụ X và cụ D4 có tạo dựng được khối tài sản là diện tích 573m² đất tại thửa đất số 05, tờ bản đồ 44, tại Khu dân cư L, TT V, huyện V, thành phố Hải Phòng. Năm 1997, cụ X và cụ D4 đã tách thửa đất chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị H1 diện tích 119m², diện tích đất này bà H1 đã được cấp giấy CNQSDĐ (chứng nhận quyền sử dụng đất), các anh chị em trong gia đình đều biết và không có ý kiến gì. Diện tích đất còn lại là 454m², năm 1997 cụ X được cấp giấy CNQSDĐ.

Năm 1975, cụ X có xây dựng 1 căn nhà cấp 4, lợp ngói xi măng diện tích 55m², 01 nhà bếp, 01 bể chứa nước mưa để sử dụng. Năm 1983, cụ X và cụ D4 có xây dựng thêm căn nhà mái bằng diện tích khoảng hơn 50m² để ở. Năm 2007, ông D có xin cụ X và cụ D4 cắt 1 lô đất diện tích 85m² để chuyển nhượng cho ông Nguyễn Minh H2 được 120.000.000 đồng, số tiền này vợ chồng ông D sử dụng để xây dựng nhà trên thửa đất của cụ X và cụ D4. Vào năm 2008, cụ X và cụ D4 đã tách thửa đất và chuyển nhượng cho bà L diện tích 83m² với số tiền 160.000.000 đồng, việc mua bán này các anh chị em trong gia đình đều biết, tuy nhiên để không phải mất thuế cụ X đã làm thủ tục tặng cho bà L (ông D là người nhận tiền cho cụ X và cụ D4). Số tiền bà L dùng để mua diện tích đất này là do bà bán diện tích đất đối diện với đất của cụ X và cụ D4 được 140.000.000 đồng. Đến năm 2015, bà L đã chuyển nhượng 83m² đất trên cho vợ chồng chị Phạm Thị L1 và anh Nguyễn Đức D5, vợ chồng chị L1 đã được cấp giấy CNQSDĐ vào năm 2015. Chị L1 và anh D5 đã xây dựng nhà 02 tầng vào năm 2021 để gia đình sinh sống, quá trình chuyển nhượng và xây dựng nhà ông D đều biết và không có ý kiến gì.

Nay, bà L khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích 237m² đất tại thửa số 05, tờ bản đồ 44, tại khu dân cư L, TT V, huyện V, thành phố Hải Phòng theo quy định của pháp luật; ông S, bà D1, anh H, chị L1 và anh D5 đều đồng ý và đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Về yêu cầu phản tố của ông D về hủy giấy CNQSDĐ số BB 608328 do UBND huyện V cấp cho hộ ông Nguyễn Văn X và bà Phạm Thị D6 ngày 10/6/2010; hủy giấy CNQSDĐ số BB 608322 do UBND huyện V cấp cho vợ chồng bà L ngày 10/6/2010 thì các đương sự đều không đồng ý và đề nghị Tòa án bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp đương sự theo quy định.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Y thống nhất trình bày:

Bị đơn thống nhất với nguyên đơn về nguồn gốc thửa đất là của cụ X và cụ D6, thửa đất là do các cụ để lại với diện tích là 573m². Năm 1997, cụ X và cụ D6 có tách diện tích 119m² để chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị H1, bà H1 đã được cấp giấy CNQSDĐ và các anh chị em trong gia đình đều biết. Còn lại diện tích 454m², cụ X đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Quá trình sinh sống, ông D có ở trên thửa đất cùng cụ X và cụ D6, ông có xây dựng căn nhà mái bằng với diện tích 50m², 01 bể nước giếng khoan, 01 bể nước mưa, tường bao, trụ cổng, đổ sân bê tông. Vào năm 2008, cụ X và cụ D6 có tách diện tích 85m² đất chuyển nhượng cho ông Nguyễn Minh H2 với số tiền 120.000.000 đồng, việc mua bán này ông D và bà Y biết và ký vào giấy tờ chuyển nhượng. Sau đó, cụ X được cấp lại giấy CNQSDĐ với diện tích 320m². Sau đó, cụ X chuyển nhượng tiếp cho bà L bằng với diện tích đất bán cho ông H2, còn diện tích cụ thể thì ông D không biết. Năm 2010, vợ chồng bà L được cấp giấy CNQSDĐ với diện tích là 83m². Đến ngày 10/6/2010, UBND huyện V cấp lại GCNQSDĐ với diện tích là 237m². Sau đó, bà L chuyển nhượng lại diện tích đất trên cho chị Phạm Thị L1 và anh Nguyễn Hữu D2.

Nay, bà L yêu cầu chia di sản thừa kế đối với diện tích 237m² đất của cụ X và cụ D6 thì ông D và bà Y không đồng ý, ông bà cho rằng diện tích đất này cụ X và cụ D6 đã cho ông bà nên đề nghị Tòa án công nhận diện tích 320m² đất theo giấy CNQSDĐ số AD 306724 do UBND huyện V cấp cho hộ ông X ngày 24/7/2008 là của ông D; ông D đề nghị hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 608328 do UBND huyện V cấp cho hộ ông Nguyễn Văn X và bà Phạm Thị D6 ngày 10/6/2010, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 608322 do UBND huyện V cấp cho hộ ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị L ngày 10/6/2010, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 527380, sổ vào sổ 00669 ngày 31/12/2015 do UBND huyện V cấp cho anh Nguyễn Hữu D2 và chị Phạm Thị L1.

Các tài liệu Tòa án thu thập được như sau:

- Văn phòng Đ chi nhánh huyện V cung cấp:

Theo bản đồ, sổ mục kê năm 1995: Thửa đất hộ ông Nguyễn Văn D đang sử dụng thuộc 1 phần thửa đất số 05, tờ bản đồ 44 tại KDC L, TT V, huyện V, TP Hải Phòng. Theo bản đồ và sổ mục kê ông Nguyễn Văn X (bố đẻ ông Nguyễn

Văn D) đứng tên, diện tích thửa đất là 454m². Ông Nguyễn Văn X được cấp giấy CNQSDĐ năm 1997, diện tích 454m², trong đó đất ở có diện tích 200m², đất vườn 254m². Quá trình sử dụng đất đến năm 2008, ông X có chuyển nhượng 1 phần thửa đất cụ thể:

- + Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Minh H2 thửa đất số 5(1), tờ bản đồ số 44, diện tích 85m² đất ở (ông H2 đã được cấp giấy CNQSDĐ);

- + Chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị L thửa đất số 5(2), tờ bản đồ số 44, diện tích 32m² đất ở.

Diện tích đất còn lại sau khi chuyển nhượng được UBND huyện V cấp giấy CNQSDĐ số BB 608328, ngày 10/6/2010 mang tên hộ ông Nguyễn Văn X, vợ Phạm Thị D6, tại thửa số 05, tờ bản đồ số 44, diện tích 237m² với diện tích đất ở 32m², đất vườn 205m².

Ông Nguyễn Văn X chết năm 2011 và bà Nguyễn Thị D4 chết năm 2009, hai ông bà chết không để lại di chúc. Ông X và bà D4 có 4 người con là Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị D1 và Nguyễn Văn D.

- UBND huyện V cung cấp:

Theo sổ mục kê và bản đồ giải thửa năm 1995, thửa đất số 5, tờ bản đồ 44, diện tích 454m², mục đích sử dụng thổ cư, chủ sử dụng ông Nguyễn Văn X. Đến ngày 01/6/1997, ông Nguyễn Văn X được cấp giấy CNQSDĐ đối với thửa đất số 5, tờ bản đồ số 44, diện tích 454m², trong đó 200m² đất ở và 254m² đất vườn. Năm 2008, ông X chuyển nhượng cho ông Nguyễn Minh H2 thửa đất số 05(1) thuộc 1 phần thửa đất số 5, tờ bản đồ 44, diện tích 85m²; phần diện tích đất còn lại ông Nguyễn Văn X được UBND huyện cấp giấy CNQSDĐ có số seri AD306724, cấp ngày 24/7/2008, số vào sổ H01262, thửa số 05, tờ bản đồ 44, diện tích 320m².

Ngày 15/3/2010, ông X chuyển quyền sử dụng đất cho con gái là bà Nguyễn Thị L thửa đất số 05(1), thuộc 1 phần thửa đất số 5, tờ bản đồ 44, diện tích 83m². Hộ ông Phạm Văn S, vợ Nguyễn Thị L được UBND huyện cấp giấy chứng nhận có số seri BB608322, cấp ngày 10/6/2010, số vào sổ CH00078; phần diện tích còn lại hộ ông Nguyễn Văn X, vợ Phạm Thị D6 được UBND huyện cấp giấy chứng nhận có số seri NN608328, cấp ngày 10/6/2010, số vào sổ CH00079, thửa số 5, tờ bản đồ 44, diện tích 237m². Đến năm 2015, ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị L t cho Nguyễn Hữu D2 và vợ Phạm Thị L1 thửa đất với diện tích 83m² trên. Ngày 31/12/2015, Nguyễn Hữu D2 và vợ Phạm Thị L1 được UBND huyện cấp giấy chứng nhận số seri CC 527380, số vào sổ 00669, thửa số 05(1), tờ bản đồ 44, diện tích 83m².

UBND huyện V cấp giấy CNQSDĐ cho ông Nguyễn Văn X và bà Phạm Thị D6, ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Hữu D2 và chị Phạm Thị L1 là đúng quy định pháp luật nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu hủy các giấy chứng nhận QSDĐ trên.

Tại phiên tòa, bà L, bà D1 và anh H cùng thống nhất đề nghị: Chia cho 3 người vào 1 phần diện tích đất và chia cho bị đơn diện tích $4,2\text{m} \times 20,7\text{m} = 86,94\text{m}^2$ trong đó bao gồm 01 suất thừa kế và một phần công sức gìn giữ, tôn tạo của ông D và bà Y.

Tại phiên tòa, bị đơn ông D đề nghị rút toàn bộ yêu cầu phản tố; bà Y và các đương sự khác cũng không có ý kiến gì về việc này. Ông D cũng đồng ý về việc chia di sản thừa kế và đề nghị được nhận 1 phần diện tích đất có chiều rộng $4,2\text{m}$ giáp mặt đường ngõ, chiều dài chạy dọc hết đất.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Căn cứ khoản 5, 9 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 244, Điều 266, Điều 273 BLTTDS, Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 609-614, 623, 649-652 BLDS. Căn cứ Nghị quyết 326 của Quốc hội về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L về việc chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn X và cụ Phạm Thị D6 là quyền sử dụng đất đối với diện tích 247m^2 gồm 32m^2 đất ở và 215m^2 đất vườn thuộc thửa đất số 05 tờ bản đồ số 44 khu dân cư L, thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BB 608328, số vào sổ CH00079 do UBND huyện V cấp ngày 10/6/2010, cụ thể: Giao cho bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị D1, anh Phạm Ngọc H quản lý, sử dụng chung $160,06\text{m}^2$ đất (đồng sở hữu chung theo phần) trong đó bà L, bà D1, anh H mỗi người được hưởng $53,353\text{m}^2$; giao cho ông D quản lý, sử dụng phần diện tích đất còn lại là $86,94\text{m}^2$ gồm $53,353\text{m}^2$ là phần di sản thừa kế ông D được nhận và $33,587\text{m}^2$ là phần công sức gìn giữ, tôn tạo vợ chồng ông D bà Y được hưởng. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn là ông Nguyễn Văn D.

Về án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và thời hiệu: Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, đây là tranh chấp về thừa kế tài sản và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do nguyên đơn yêu cầu hủy quyết định cá biệt nên theo quy định tại khoản 5 Điều 26; tại điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Nguyễn Văn X, chết năm 2011 và cụ Phạm Thị D6, chết năm 2009, căn cứ quy định tại Điều 623 của BLTTDS năm 2015 thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế vẫn còn.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án triệu tập hợp lệ đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét

xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

[3] Bà L khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với diện tích 237m² đất tại thửa số 5, tờ bản đồ số 44 tại khu dân cư L, TT V, huyện V, thành phố Hải Phòng.

[3.1] Xét nguồn gốc diện tích 237m² đất tại thửa số 5, tờ bản đồ số 44 tại khu dân cư L, TT V, huyện V, thành phố Hải Phòng: Các đương sự đều thống nhất trình bày cụ Nguyễn Văn X và cụ Phạm Thị D6 có tài sản chung là thửa đất số 5, tờ bản đồ số 44, tại khu dân cư L, TT V, huyện V, thành phố Hải Phòng, thửa đất là của cố Nguyễn Văn V và cố Phạm Thị L2 để lại với diện tích 573m². Sau đó, cụ X và cụ D6 có chuyển nhượng 1 phần diện tích đất cho bà Nguyễn Thị H1 với diện tích 119m². Theo sổ mục kê và bản đồ giải thửa năm 1995, thửa đất số 5, tờ bản đồ 44, diện tích 454m², mục đích sử dụng thổ cư, chủ sử dụng ông Nguyễn Văn X. Đến ngày 01/6/1997, ông Nguyễn Văn X được cấp giấy CNQSDĐ đối với thửa đất số 5, tờ bản đồ số 44, diện tích 454m², trong đó 200m² đất ở và 254m² đất vườn.

[3.2] Quá trình sử dụng: Năm 2008, ông X chuyển nhượng cho ông Nguyễn Minh H2 thửa đất số 05(1) thuộc 1 phần thửa đất số 5, tờ bản đồ 44, diện tích 85m²; phần diện tích đất còn lại ông Nguyễn Văn X được UBND huyện cấp giấy chứng nhận có số seri AD306724, cấp ngày 24/7/2008, số vào sổ H01262, thửa số 05, tờ bản đồ 44, diện tích 320m². Ngày 15/3/2010, ông X chuyển quyền sử dụng đất cho con gái là bà Nguyễn Thị L thửa đất số 05(1), thuộc 1 phần thửa đất số 5, tờ bản đồ 44, diện tích 83m². Hộ ông Phạm Văn S, vợ Nguyễn Thị L được UBND huyện cấp giấy chứng nhận có số seri BB608322, cấp ngày 10/6/2010, số vào sổ CH00078; phần diện tích còn lại hộ ông Nguyễn Văn X, vợ Phạm Thị D6 được UBND huyện cấp giấy chứng nhận có số seri NN608328, cấp ngày 10/6/2010, số vào sổ CH00079, thửa số 5, tờ bản đồ 44, diện tích 237m². Đến năm 2015, ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị Lích t cho anh Nguyễn Hữu D2 và vợ Phạm Thị L1 thửa đất với diện tích 83m² trên. Ngày 31/12/2015, Nguyễn Hữu D2 và vợ Phạm Thị L1 được UBND huyện cấp giấy chứng nhận số seri CC 527380, số vào sổ 00669, thửa số 05(1), tờ bản đồ 44, diện tích 83m².

[3.3] Như vậy có căn cứ khẳng định diện tích 237m² tại thửa đất số 5, tờ bản đồ số 44 tại KDC L, TT V, huyện V, thành phố Hải Phòng là của cụ X và cụ D6 khi còn sống cụ không tặng cho ai nên xác định diện tích này là di sản của cụ X và cụ D6. Khi chết cụ X và cụ D6 không để lại di chúc nên diện tích đất này được chia thừa kế theo quy định pháp luật.

[4] Về tài sản trên đất: Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/3/2022 trên đất có 02 ngôi nhà cấp 4 và công trình phụ trên đất, tuy nhiên đã xuống cấp nghiêm trọng. Đối với tài sản trên đất, không còn giá trị sử dụng nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về hàng thừa kế: Những người được hưởng thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn Văn X và cụ Phạm Thị D6 theo quy định tại các Điều 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự, gồm: Ông D, bà H1, bà L và bà D1. Bà H1 đã chết năm 2008, nên con trai bà H1 là anh Phạm Ngọc H được hưởng thừa kế theo quy định.

[6] Về công sức duy trì, giữ gìn tài sản là di sản thừa kế: Ông D xây dựng gia đình với bà Y từ năm 1991 và sinh sống cùng cụ X, cụ D6 đến khi các cụ chết; sau khi các cụ chết ông D và bà Y vẫn sinh sống trên thửa đất từ thời gian đó đến năm 2010. Tài sản do vợ chồng ông D quản lý, trông coi, tu bổ tôn tạo nên tính công sức của vợ chồng ông D và bà Y gần bằng 1 suất thừa kế.

[7] Về phân chia di sản theo pháp luật: Di sản của cụ X và cụ D6 để lại là toàn bộ diện tích đất 237m², hiện trạng thửa đất là 247m² tại thửa đất số 5, tờ bản đồ số 44 tại khu dân cư L, TT V, huyện V, thành phố Hải Phòng (sai số do đo đạc). Giá trị quyền sử dụng đất theo kết luận định giá tài sản là 4.185.000.000 đồng, trong đó có 32m² đất ở và 215m² đất vườn. Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau theo quy định tại Điều 651 của Bộ luật Dân sự. Như vậy sẽ chia làm 05 phần (04 phần thừa kế (ông D, bà L, bà D1 và anh H) và 01 phần công sức của ông D và bà Y (gần bằng 01 suất thừa kế). Vậy, bà L, bà D1, ông D, anh H mỗi người được 01 suất thừa kế tương ứng với diện tích 53,353m². Ông D và bà Y được 01 phần công sức gần bằng 01 suất thừa kế tương ứng với diện tích 33,587m². Bà L, bà D1 và anh H đề nghị Tòa án giao cho các ông bà quản lý, sử dụng chung 1 phần diện tích đất được chia thừa kế. Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của các đương sự.

[8] Về yêu cầu phản tố của bị đơn: Tại phiên tòa ông D đề nghị rút toàn bộ yêu cầu phản tố. Xét thấy, yêu cầu của ông D là tự nguyện, các đương sự khác không có ý kiến gì nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của ông D theo quy định.

[9] Về chi phí tố tụng: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 12; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì những người được hưởng di sản thừa kế gồm: Ông D, bà L, bà D1 và anh H phải nộp án phí theo quy định. Tuy nhiên, do nguyên đơn bà L là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm, bà Y là người thứ ba được nhận 1 phần công sức giữ gìn tôn tạo nên không phải chịu án phí, phần án phí của bà Y được chia đều cho các đồng thừa kế.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào theo quy định tại khoản 5, khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 32 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ các điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 652 Bộ luật Dân sự

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Giao cho bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị D1 và anh Phạm Ngọc H quản lý, sử dụng chung diện tích 160,06m² (đồng sở hữu chung theo phần) trong đó có 21m² đất ở, 139,06m² đất vườn, tài sản trên đất gồm 1 ngôi nhà cấp 4 có diện tích 64,9m² và 1 phần ngôi nhà cấp 4 có diện tích 43,6m². Bà L, bà D1, anh H mỗi người được hưởng 53,353m² tại thửa đất số 5, tờ bản đồ số 44 tại khu dân cư L, TT V, huyện V, thành phố Hải Phòng, vị trí theo các mốc giới 8,3,4,5,6,7,8 (có sơ đồ kèm theo).

Giao cho ông Nguyễn Văn D quản lý, sử dụng phần diện tích đất còn lại là 86,94m² trong đó có 11m² đất ở, 75,94m² đất vườn và tài sản trên đất là 1 phần ngôi nhà cấp 4 có diện tích 43,6m², gồm 53,353m² là phần di sản thừa kế ông D được nhận và 33,587m² là phần công sức gìn giữ, tôn tạo ông D và bà Y được hưởng tại thửa đất số 5, tờ bản đồ số 44 tại khu dân cư L, TT V, huyện V, thành phố Hải Phòng, vị trí theo các mốc giới 1,2,3,8,1 (có sơ đồ kèm theo).

2. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn D.

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 147 BLTTDS, điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội: Bà L là người cao tuổi được miễn án phí;

Ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 51.140.000 (năm mươi một triệu, một trăm bốn mươi nghìn) đồng nhưng được trừ 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002345 ngày 24/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; ông D còn phải nộp 50.840.000 (năm mươi triệu tám trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Bà D1 và anh H mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 42.683.000 (bốn mươi hai triệu, sáu trăm tám mươi ba nghìn) đồng.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hải Phòng;
- Cục THADSTP Hải Phòng;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Lưu Văn Tĩnh

